

MÔN: CÔNG NGHỆ

| STT | Số báo danh | Họ và tên | Phòng kiểm tra số | Lớp | Ghi chú |
|-----|-------------|-------------------------|-------------------|----------|---------|
| 1 | 120004 | Bùi Châu Đại An | 1201 | 12A10 | |
| 2 | 120005 | Đoàn Ngọc An | 1201 | 12A10 | |
| 3 | 120006 | Lê Quốc Anh | 1201 | 12AP1_TA | |
| 4 | 120007 | Nguyễn Thị Vân Anh | 1201 | 12AP1_TA | |
| 5 | 120010 | Nguyễn Lan Anh | 1201 | 12A1 | |
| 6 | 120033 | Lê Mai Anh | 1201 | 12A9 | |
| 7 | 120034 | Phạm Minh Anh | 1201 | 12A9 | |
| 8 | 120035 | Nguyễn Thị Trang Anh | 1201 | 12A9 | |
| 9 | 120036 | Nguyễn Công Đức Anh | 1201 | 12A10 | |
| 10 | 120037 | Nguyễn Công Huỳnh Anh | 1201 | 12A10 | |
| 11 | 120038 | Đặng Dương Quỳnh Anh | 1201 | 12A10 | |
| 12 | 120039 | Nguyễn Đức Anh | 1201 | 12A10 | |
| 13 | 120040 | Nguyễn Minh Anh | 1201 | 12A10 | |
| 14 | 120041 | Trần Ngọc Anh | 1201 | 12A11 | |
| 15 | 120042 | Nguyễn Phương Anh | 1201 | 12A11 | |
| 16 | 120043 | Nguyễn Thái Anh | 1201 | 12A11 | |
| 17 | 120044 | Huỳnh Trần Song Anh | 1201 | 12A11 | |
| 18 | 120045 | Trương Xuân Bách | 1201 | 12A10 | |
| 19 | 120046 | Nguyễn Khánh Băng | 1201 | 12A10 | |
| 20 | 120047 | Huỳnh Nguyễn Khánh Băng | 1201 | 12A11 | |
| 21 | 120054 | Lương Ngọc Bảo | 1201 | 12A10 | |
| 22 | 120055 | Trình Thanh Bình | 1201 | 12A11 | |
| 23 | 120059 | Đỗ Lê Quỳnh Chi | 1201 | 12A11 | |
| 24 | 120063 | Lê Đức Cường | 1201 | 12A9 | |

Danh sách có 24 học sinh dự kiểm tra.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đông Anh Đào

MÔN: CÔNG NGHỆ

| STT | Số báo danh | Họ và tên | Phòng kiểm tra số | Lớp | Ghi chú |
|-----|-------------|--------------------------|-------------------|----------|---------|
| 1 | 120068 | Lâm Thành Đạt | 1202 | 12AP1_TA | |
| 2 | 120073 | Nguyễn Phúc Đạt | 1202 | 12A9 | |
| 3 | 120074 | Nguyễn Tuấn Đạt | 1202 | 12A9 | |
| 4 | 120075 | Đàm Tá Đạt | 1202 | 12A10 | |
| 5 | 120077 | Nguyễn Phước Điền | 1202 | 12AP1_TA | |
| 6 | 120085 | Nguyễn Tiến Dũng | 1202 | 12A9 | |
| 7 | 120086 | Bùi Lê Ánh Dương | 1202 | 12A1 | |
| 8 | 120087 | Trần Thái Dương | 1202 | 12A1 | |
| 9 | 120090 | Thạch Hữu Duy | 1202 | 12A10 | |
| 10 | 120091 | Trương Ngọc Phương Duyên | 1202 | 12AP1_TA | |
| 11 | 120095 | Trần Quỳnh Giang | 1202 | 12A1 | |
| 12 | 120097 | Lê Hà Giang | 1202 | 12A10 | |
| 13 | 120098 | Nguyễn Thúy Hà | 1202 | 12AP1_TA | |
| 14 | 120101 | Tổng Hoàng Hải | 1202 | 12A11 | |
| 15 | 120102 | Tổng Nguyễn Gia Hân | 1202 | 12AP1_TA | |
| 16 | 120103 | Trần Gia Hân | 1202 | 12A1 | |
| 17 | 120104 | Phan Hân Hân | 1202 | 12A1 | |
| 18 | 120105 | Nguyễn Ngọc Gia Hân | 1202 | 12A1 | |
| 19 | 120106 | Phạm Thị Ngọc Hân | 1202 | 12A1 | |
| 20 | 120107 | Nguyễn Xuân Gia Hân | 1202 | 12A1 | |
| 21 | 120111 | Hà Huỳnh Nhã Hân | 1202 | 12A9 | |
| 22 | 120116 | Nguyễn Thu Hiền | 1202 | 12AP1_TA | |
| 23 | 120117 | Vũ Thu Hiền | 1202 | 12A10 | |
| 24 | 120118 | Nguyễn Thị Minh Hiền | 1202 | 12A11 | |

Danh sách có 24 học sinh dự kiểm tra.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đông Anh Đào

MÔN: CÔNG NGHỆ

| STT | Số báo danh | Họ và tên | Phòng kiểm tra số | Lớp | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|-------------------|----------|---------|
| 1 | 120120 | Trần Lê Ngọc Hiếu | 1203 | 12A1 | |
| 2 | 120124 | Trần Trung Hiếu | 1203 | 12A9 | |
| 3 | 120125 | Hoàng Văn Hiếu | 1203 | 12A11 | |
| 4 | 120127 | Nguyễn Minh Hòa | 1203 | 12AP1_TA | |
| 5 | 120130 | Kiều Tiên Hoàng | 1203 | 12A9 | |
| 6 | 120131 | Nguyễn Huy Hoàng | 1203 | 12A11 | |
| 7 | 120134 | Đoàn Mạnh Hùng | 1203 | 12A10 | |
| 8 | 120139 | Võ Trung Hưng | 1203 | 12A10 | |
| 9 | 120140 | Nguyễn Khánh Hưng | 1203 | 12A11 | |
| 10 | 120141 | Trần Thế Hưng | 1203 | 12A11 | |
| 11 | 120151 | Nguyễn Đức Huy | 1203 | 12A10 | |
| 12 | 120152 | Hoàng Nguyễn Nhật Huy | 1203 | 12A11 | |
| 13 | 120153 | Nguyễn Thị Diệu Huyền | 1203 | 12A1 | |
| 14 | 120154 | Lê Chí Kha | 1203 | 12A9 | |
| 15 | 120155 | Phan Trang Gia Khang | 1203 | 12A1 | |
| 16 | 120157 | Nguyễn Phúc Khang | 1203 | 12A10 | |
| 17 | 120158 | Huỳnh An Khang | 1203 | 12A11 | |
| 18 | 120159 | Trịnh Hữu Minh Khang | 1203 | 12A11 | |
| 19 | 120160 | Nguyễn Huỳnh Mai Khanh | 1203 | 12AP1_TA | |
| 20 | 120161 | Đỗ Quốc Khánh | 1203 | 12A10 | |
| 21 | 120162 | Nguyễn Bửu Khoa | 1203 | 12AP1_TA | |
| 22 | 120166 | Đỗ Thái Y Khoa | 1203 | 12A9 | |
| 23 | 120168 | Nguyễn Đức Nguyên Khôi | 1203 | 12A9 | |
| 24 | 120170 | Lâm Duy Khương | 1203 | 12A10 | |

Danh sách có 24 học sinh dự kiểm tra.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đông Anh Đào

MÔN: CÔNG NGHỆ

| STT | Số báo danh | Họ và tên | Phòng kiểm tra số | Lớp | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|-------------------|----------|---------|
| 1 | 120171 | Nguyễn Phan Trung Kiên | 1204 | 12A11 | |
| 2 | 120172 | Cao Trung Kiên | 1204 | 12A11 | |
| 3 | 120173 | Vũ Trung Kiên | 1204 | 12A11 | |
| 4 | 120174 | Văn Thế Kiệt | 1204 | 12A9 | |
| 5 | 120179 | Huỳnh Gia Lập | 1204 | 12A1 | |
| 6 | 120180 | Nguyễn Thanh Liêm | 1204 | 12AP1_TA | |
| 7 | 120181 | Nguyễn Khánh Linh | 1204 | 12AP1_TA | |
| 8 | 120189 | Nguyễn Phương Linh | 1204 | 12A9 | |
| 9 | 120190 | Nguyễn Thị Hồng Loan | 1204 | 12A9 | |
| 10 | 120194 | Đỗ Xuân Lộc | 1204 | 12A9 | |
| 11 | 120195 | Mai Tấn Lộc | 1204 | 12A10 | |
| 12 | 120196 | Huỳnh Tấn Lộc | 1204 | 12A11 | |
| 13 | 120197 | Dương Đại Lợi | 1204 | 12A9 | |
| 14 | 120198 | Nguyễn Văn Long | 1204 | 12AP1_TA | |
| 15 | 120201 | Trần Thành Long | 1204 | 12A9 | |
| 16 | 120202 | Nguyễn Hoàng Long | 1204 | 12A10 | |
| 17 | 120203 | Nguyễn Minh Long | 1204 | 12A10 | |
| 18 | 120204 | Nguyễn Trần Bảo Long | 1204 | 12A10 | |
| 19 | 120205 | Lê Hoàng Nguyên Long | 1204 | 12A11 | |
| 20 | 120206 | Bùi Đình Hương Ly | 1204 | 12AP1_TA | |
| 21 | 120211 | Phạm Sao Mai | 1204 | 12A11 | |
| 22 | 120212 | Nguyễn Thị Triệu Minh | 1204 | 12A1 | |
| 23 | 120220 | Nguyễn Cát Tuệ Minh | 1204 | 12A9 | |
| 24 | 120221 | Trần Thế Minh | 1204 | 12A10 | |

Danh sách có 24 học sinh dự kiểm tra.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đồng Anh Đào

MÔN: CÔNG NGHỆ

| STT | Số báo danh | Họ và tên | Phòng kiểm tra số | Lớp | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|-------------------|----------|---------|
| 1 | 120222 | Huỳnh Ngọc Kiều My | 1205 | 12AP1_TA | |
| 2 | 120223 | Nguyễn Ngọc Hoàng My | 1205 | 12A1 | |
| 3 | 120230 | Hoàng Đình Nam | 1205 | 12A11 | |
| 4 | 120231 | Thiều Tiên Nam | 1205 | 12A11 | |
| 5 | 120233 | Lê Hoàng Kim Ngân | 1205 | 12A1 | |
| 6 | 120240 | Lê Hoàng Ngân | 1205 | 12A9 | |
| 7 | 120241 | Bùi Khánh Ngân | 1205 | 12A11 | |
| 8 | 120242 | Trần Gia Nghi | 1205 | 12A1 | |
| 9 | 120255 | Trần Hoàng Khánh Ngọc | 1205 | 12A9 | |
| 10 | 120256 | Vũ Lê Bảo Ngọc | 1205 | 12A9 | |
| 11 | 120257 | Nguyễn Phan Kim Ngọc | 1205 | 12A11 | |
| 12 | 120258 | Đỗ Thu Nguyên | 1205 | 12AP1_TA | |
| 13 | 120264 | Trần Nguyễn Tấn Nguyên | 1205 | 12A10 | |
| 14 | 120265 | Thị Nhân Bích Nguyên | 1205 | 12A10 | |
| 15 | 120266 | Huỳnh Trần Song Nguyên | 1205 | 12A11 | |
| 16 | 120267 | Phạm Trí Nguyên | 1205 | 12A9 | |
| 17 | 120268 | Lê Hữu Thiện Nhân | 1205 | 12A1 | |
| 18 | 120273 | Trần Thành Nhân | 1205 | 12A9 | |
| 19 | 120280 | Trần Lê Kim Như | 1205 | 12AP1_TA | |
| 20 | 120289 | Lê Quỳnh Như | 1205 | 12A9 | |
| 21 | 120290 | Nguyễn Ngọc Bảo Như | 1205 | 12A10 | |
| 22 | 120291 | Nguyễn Thị Khánh Như | 1205 | 12A10 | |
| 23 | 120292 | Hồ Lâm Tuyết Nhung | 1205 | 12A11 | |
| 24 | 120293 | Trần Tấn Phát | 1205 | 12A1 | |

Danh sách có 24 học sinh dự kiểm tra.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đông Anh Đào

MÔN: CÔNG NGHỆ

| STT | Số báo danh | Họ và tên | Phòng kiểm tra số | Lớp | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|-------------------|----------|---------|
| 1 | 120297 | Nguyễn Hoàng Phát | 1206 | 12A9 | |
| 2 | 120298 | Võ Lâm Gia Phát | 1206 | 12A9 | |
| 3 | 120299 | Lý Thuận Phát | 1206 | 12A9 | |
| 4 | 120300 | Lưu Hoàng Gia Phát | 1206 | 12A11 | |
| 5 | 120304 | Nguyễn Đức Phú | 1206 | 12A1 | |
| 6 | 120305 | Lê Nguyễn Kim Phú | 1206 | 12A1 | |
| 7 | 120306 | Trần Thiên Phúc | 1206 | 12AP1_TA | |
| 8 | 120307 | Phạm Ngọc Phúc | 1206 | 12A1 | |
| 9 | 120313 | Lê Quang Phúc | 1206 | 12A9 | |
| 10 | 120323 | Nguyễn Minh Phương | 1206 | 12A11 | |
| 11 | 120325 | Trương Đông Quân | 1206 | 12AP1_TA | |
| 12 | 120329 | Nguyễn Quân | 1206 | 12A10 | |
| 13 | 120332 | Ngô Đào Minh Quang | 1206 | 12A9 | |
| 14 | 120333 | Bùi Nguyễn Minh Quang | 1206 | 12A11 | |
| 15 | 120339 | Nguyễn Thị Mỹ Quyên | 1206 | 12A10 | |
| 16 | 120340 | Phan Bảo Quỳnh | 1206 | 12AP1_TA | |
| 17 | 120341 | Nguyễn Trúc Quỳnh | 1206 | 12AP1_TA | |
| 18 | 120346 | Nguyễn Ngọc Như Quỳnh | 1206 | 12A9 | |
| 19 | 120347 | Nguyễn Ngọc Như Quỳnh | 1206 | 12A11 | |
| 20 | 120350 | Vũ Ngọc Sang | 1206 | 12A9 | |
| 21 | 120351 | Trần Tuấn Sang | 1206 | 12A11 | |
| 22 | 120352 | Lưu Kim Sơn | 1206 | 12AP1_TA | |
| 23 | 120353 | Lê Ngọc Bích Sơn | 1206 | 12A1 | |
| 24 | 120363 | Trần Hữu Tân | 1206 | 12A1 | |

Danh sách có 24 học sinh dự kiểm tra.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đông Anh Đào

MÔN: CÔNG NGHỆ

| STT | Số báo danh | Họ và tên | Phòng kiểm tra số | Lớp | Ghi chú |
|-----|-------------|------------------------|-------------------|----------|---------|
| 1 | 120366 | Trần Nhật Tân | 1207 | 12A9 | |
| 2 | 120368 | Nguyễn Tùng Ngọc Thạch | 1207 | 12A9 | |
| 3 | 120370 | Trần Hoàng Thái | 1207 | 12A9 | |
| 4 | 120371 | Lê Quốc Thái | 1207 | 12A11 | |
| 5 | 120372 | Ngô Hoàng Thắng | 1207 | 12AP1_TA | |
| 6 | 120373 | Kiều Quốc Thắng | 1207 | 12AP1_TA | |
| 7 | 120376 | Lê Chí Thắng | 1207 | 12A10 | |
| 8 | 120377 | Nguyễn Ngọc Hoài Thanh | 1207 | 12AP1_TA | |
| 9 | 120379 | Nguyễn Chí Thanh | 1207 | 12A10 | |
| 10 | 120383 | Cao Công Thành | 1207 | 12A10 | |
| 11 | 120384 | Huỳnh Phương Thảo | 1207 | 12A1 | |
| 12 | 120406 | Lê Thị Cần Thơ | 1207 | 12A9 | |
| 13 | 120407 | Nguyễn Anh Thơ | 1207 | 12A10 | |
| 14 | 120409 | Đặng Phương Thư | 1207 | 12A1 | |
| 15 | 120416 | Nguyễn Hoàng Minh Thư | 1207 | 12A9 | |
| 16 | 120417 | Nguyễn Anh Thư | 1207 | 12A11 | |
| 17 | 120418 | Chim Hoàng Thanh Thùy | 1207 | 12A1 | |
| 18 | 120419 | Trần Nguyễn Kim Thùy | 1207 | 12A1 | |
| 19 | 120422 | Nguyễn Thị Phương Thùy | 1207 | 12A11 | |
| 20 | 120426 | Huỳnh Khưu Kiều Tiên | 1207 | 12AP1_TA | |
| 21 | 120434 | Huỳnh Việt Tiến | 1207 | 12A9 | |
| 22 | 120435 | Phan Đức Tiến | 1207 | 12A10 | |
| 23 | 120436 | Đặng Lê Chí Tiến | 1207 | 12A10 | |
| 24 | 120437 | Phan Quốc Tiến | 1207 | 12A10 | |

Danh sách có 24 học sinh dự kiểm tra.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đồng Anh Đào

MÔN: CÔNG NGHỆ

| STT | Số báo danh | Họ và tên | Phòng kiểm tra số | Lớp | Ghi chú |
|-----|-------------|-----------------------|-------------------|----------|---------|
| 1 | 120438 | Nguyễn Ngô Nhật Tiến | 1208 | 12A11 | |
| 2 | 120441 | Trần Quốc Toàn | 1208 | 12A11 | |
| 3 | 120442 | Nguyễn Đào Minh Trâm | 1208 | 12A1 | |
| 4 | 120443 | Nguyễn Ngọc Trâm | 1208 | 12A1 | |
| 5 | 120444 | Huỳnh Đặng Thùy Trâm | 1208 | 12A9 | |
| 6 | 120445 | Hoàng Huyền Trâm | 1208 | 12A11 | |
| 7 | 120446 | Lư Huyền Trân | 1208 | 12AP1_TA | |
| 8 | 120447 | Nguyễn Ngọc Bảo Trân | 1208 | 12AP1_TA | |
| 9 | 120450 | Hứa Huỳnh Phương Trân | 1208 | 12A1 | |
| 10 | 120451 | Khưu Tuyên Trân | 1208 | 12A1 | |
| 11 | 120460 | Trần Yến Trang | 1208 | 12A1 | |
| 12 | 120463 | Nguyễn Lâm Uyên Tri | 1208 | 12A11 | |
| 13 | 120467 | Kiều Diễm Trinh | 1208 | 12AP1_TA | |
| 14 | 120469 | Ngô Hữu Trung | 1208 | 12A10 | |
| 15 | 120470 | Nguyễn Tuấn Trường | 1208 | 12AP1_TA | |
| 16 | 120471 | Đỗ Anh Tuấn | 1208 | 12A11 | |
| 17 | 120472 | Hoàng Minh Tuệ | 1208 | 12AP1_TA | |
| 18 | 120473 | Nguyễn Đặng Gia Tuệ | 1208 | 12A1 | |
| 19 | 120474 | Trần Xuân Tươi | 1208 | 12A1 | |
| 20 | 120481 | Võ Thị Mỹ Uyên | 1208 | 12A10 | |
| 21 | 120482 | Nguyễn Dương Kiều Vân | 1208 | 12AP1_TA | |
| 22 | 120483 | Nguyễn Thị Tú Vân | 1208 | 12A1 | |
| 23 | 120489 | Đặng Dương Triều Vĩ | 1208 | 12A10 | |
| 24 | 120494 | Bùi Ngô Tường Vy | 1208 | 12A1 | |

Danh sách có 24 học sinh dự kiểm tra.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Đông Anh Đào

MÔN: CÔNG NGHỆ

| STT | Số báo danh | Họ và tên | Phòng kiểm tra số | Lớp | Ghi chú |
|-----|-------------|--------------------------|-------------------|----------|---------|
| 1 | 120504 | Ngô Tường Vy | 1209 | 12A9 | |
| 2 | 120505 | Huỳnh Nguyễn Trúc Vy | 1209 | 12A10 | |
| 3 | 120506 | Lê Hà Tuệ Vy | 1209 | 12A11 | |
| 4 | 120507 | Bùi Thùy Khánh Vy | 1209 | 12A11 | |
| 5 | 120509 | Nguyễn Trần Như Ý | 1209 | 12A1 | |
| 6 | 120512 | Lê Nguyễn Như Ý | 1209 | 12A9 | |
| 7 | 120513 | Nguyễn Thị Hải Yến | 1209 | 12AP1_TA | |
| 8 | 120518 | Nguyễn Hoàng Anh | 1209 | 12AP1_TP | |
| 9 | 120523 | Huỳnh Nguyễn Khải Hoàn | 1209 | 12AP1_TP | |
| 10 | 120524 | Oh Eun Hui | 1209 | 12AP1_TP | |
| 11 | 120526 | Võ Thành Hưng | 1209 | 12AP1_TP | |
| 12 | 120528 | Lý Hồ Tuấn Kiệt | 1209 | 12AP1_TP | |
| 13 | 120530 | Huỳnh Nguyễn Phương Minh | 1209 | 12AP1_TP | |
| 14 | 120542 | Nguyễn Thị Trúc Thy | 1209 | 12AP1_TP | |
| 15 | 120544 | Trần Phương Vy | 1209 | 12AP1_TP | |
| 16 | 120547 | Lê Hoàng Yến | 1209 | 12AP1_TP | |

Danh sách có 16 học sinh dự kiểm tra.

Cần Thơ, ngày 16 tháng 10 năm 2025

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Đông Anh Đào